

HIỆU QUẢ GIẢM NGHÈO QUA LĂNG KÍNH GIÁM SÁT



hời gian qua, hàng loạt chương trình, dự án giảm nghèo đã được triển khai đồng bộ trong cả nước, khơi dậy ý chí làm

giàu, tinh thần vượt khó vươn lên thoát nghèo của một bộ phận dân cư, tạo ra phong trào XĐGN sôi động, góp phần làm giảm nhanh chóng tỷ lệ nghèo, được Cơ quan Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) coi là một hình mẫu về giảm nghèo đối với các nước đang phát triển. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo của nước ta vẫn còn cao, công cuộc chống "giặc đói" vẫn đang tiếp diễn dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của Nhà nước, Chính phủ. Là cơ quan tham mưu của Quốc hội trong lĩnh vực xã hội, Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội đã đặc biệt quan tâm tới công tác XĐGN, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, thông qua các hoạt động giám sát, khảo sát tình hình thi hành chính sách, pháp luật về xóa đói giảm nghèo tại nhiều tỉnh, thành trong phạm vi cả nước.

Hoạt động giám sát của Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội trong lĩnh vực này được tiến hành theo hướng phối, kết hợp, lồng ghép với các nội dung về xã hội khác, hoặc có thể giám sát theo chuyên đề, nhằm nắm bắt thực trạng thi hành chính sách, pháp luật về XĐGN tại địa phương, qua đó phát hiện thiếu sót, bất cập của chính sách để đưa ra những kiến nghị cần thiết

TS. BÙI SỸ LỢI

Phó Chủ nhiệm Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội



Nhờ triển khai hàng loạt các chính sách, đến nay tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn trên 11%

đối với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời, phản ánh những vướng mắc của đối tượng chịu sự giám sát trong quá trình thực thi chính sách. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời, các kiến nghị, yêu cầu của Ủy ban, kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách cho phù hợp với tình hình thực tiễn và những kết luận, kiến nghị của Ủy ban sẽ là cơ sở cho các quyết định quan trọng của Quốc hội trong lĩnh vực XĐGN.

Bên cạnh đó, Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội còn tiến hành các hoạt động khác phục vụ cho công tác giám sát trong lĩnh vực XĐGN như đặt hàng nhóm chuyên gia tiến hành nghiên cứu, báo cáo tổng quan về các chính sách và dự án giảm nghèo hiện hành của Chính phủ Việt Nam; tổ chức

các cuộc hội thảo, tọa đàm về thực hiện chính sách; điều tra xã hội học,... Thông qua các hoạt động đó để có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về bức tranh XĐGN, tăng sức thuyết phục, có căn cứ khoa học và thực tiễn trong các kết luận, kiến nghị của Ủy ban.

Qua giám sát, Ủy ban các Vấn đề Xã hội của Quốc hội nhận thấy, trong những năm qua, hàng loạt các chính sách XĐGN được triển khai đã cải thiện đáng kể diện mạo của các vùng miền trong cả nước, đặc biệt là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo - là những khu vực tập trung đông người nghèo. Những nỗ lực trên đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ nghèo đói của cả nước từ trên 20% (năm 2005) xuống còn

18,1% (năm 2006), 14,75% (năm 2007), 12,1% (năm 2008), ước 11% (năm 2009) và phần đầu giảm xuống còn 9,45% (năm 2010), đạt và vượt so với mục tiêu của Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo (dự kiến 10-11%). Bộ mặt các xã nghèo đã có sự thay đổi đáng kể, hệ thống hạ tầng cơ sở đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại, giao lưu của nhân dân; hệ thống trường học, trạm y tế xã được xây dựng khang trang góp phần đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; cơ bản xóa được tình trạng nhà ở tạm bợ, dột nát; chất lượng cuộc sống của người dân ở các xã nghèo được nâng cao.

Các chương trình, dự án giảm nghèo như tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hỗ trợ đất sản xuất, khuyến nông, lâm, ngư, hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề, xây dựng mô hình XĐGN, hỗ trợ cơ sở hạ tầng, định canh định cư ở các xã nghèo, ổn định dân cư và xây dựng các vùng kinh tế mới... đã tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, góp phần tăng thu nhập; Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở; Huy động tối đa nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, trước hết là chủ động phát huy nguồn lực tại chỗ, huy động nguồn lực cộng đồng (các doanh nghiệp, địa phương, các tầng lớp dân cư) kết hợp với sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước; Mở rộng hợp tác quốc tế về kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính cho xóa đói giảm nghèo,...

Có được những thành công này là nhờ mức tăng

trưởng kinh tế ở nước ta vẫn có tính ổn định mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn bởi khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế. Các chương trình, dự án giảm nghèo đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở chỉ đạo sát sao và triển khai thực hiện tích cực, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Bản thân người nghèo đã có nhận thức đúng để tự vươn lên, biết tận dụng các cơ hội và sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng để thoát khỏi nghèo đói. Bên cạnh đó, một hệ thống chính sách, cơ chế, giải pháp XĐGN được triển khai thực hiện linh hoạt, tùy điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho mục tiêu XĐGN và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các xã nghèo để phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Ngoài ra, còn nhờ sự năng động và sáng tạo của một số địa phương trong việc tìm ra những mô hình XĐGN, phương châm xã hội hoá trong việc huy động nguồn lực của người dân, cộng đồng và Nhà nước cho XĐGN; sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế thông qua các dự án XĐGN ở địa phương.

Tuy nhiên, công cuộc XĐGN vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể là tỷ lệ hộ đói nghèo nước ta còn khá cao, trong đó có 62 huyện thuộc 20 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% và vẫn đang xếp vào nhóm các nước nghèo của thế giới. Một bộ phận lớn dân cư vẫn nằm giáp ranh mức nghèo (cận nghèo), chỉ cần những điều chỉnh nhỏ về chuẩn nghèo

cũng khiến họ rơi xuống ngưỡng nghèo và làm tăng tỷ lệ nghèo. Tỷ lệ nghèo đối ở nông thôn, vùng núi và trung du còn cao, chiếm khoảng 90% tổng số người nghèo. Độ giãn cách về trình độ phát triển giữa các vùng ngày càng gia tăng; vùng dân tộc và miền núi vẫn là nơi chậm phát triển. Hơn nữa, sự khác biệt về đói nghèo giữa các dân tộc còn lớn, tỷ lệ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số là cao nhất và tốc độ giảm nghèo cũng chậm hơn. Trong 62 huyện nghèo nhất, có đến 90% người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, nguyên nhân bởi đa số bà con thường sinh sống trong các vùng sâu, vùng xa, bị cô lập về mặt địa lý, văn hoá, thiếu điều kiện phát triển về hạ tầng cơ sở và các dịch vụ xã hội cơ bản. Sự chênh lệch giàu - nghèo có xu hướng gia tăng, sự phân hoá giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các nhóm dân cư, giữa miền núi và miền xuôi. Hiệu quả và hiệu lực của các chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo chưa cao.

Hiện nay có rất nhiều chương trình, dự án giảm nghèo đã và đang được thực hiện, trong đó có dự án tập trung vào giảm nghèo như Chương trình 135, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a của Chính phủ,...; một số dự án không tập trung riêng vào giảm nghèo nhưng có tác động trực tiếp vào cuộc sống của người nghèo như Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh

nông thôn, Chương trình giáo dục cho mọi người... Việc trong cùng một thời điểm hoặc hầu như trong cùng một thời điểm có nhiều chương trình, dự án được triển khai thực hiện đã dẫn đến sự trùng lặp, chồng chéo về lĩnh vực trợ giúp, đối tượng thụ hưởng, công tác chỉ đạo, điều hành,... góp phần làm giảm hiệu quả, hiệu lực của các chương trình, dự án.

Về nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, bên cạnh yếu tố khách quan như điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình chia cắt, giao thông không thuận lợi, cơ sở hạ tầng yếu kém thì đáng chú ý là công tác giảm nghèo chưa gắn chặt với phát triển cộng đồng và phát triển nông thôn. Đầu tư cho xóa đói giảm nghèo chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, nguồn lực dành cho chương trình còn hạn chế, chưa cân đối với mục tiêu đề ra và đảm bảo tiến độ thực hiện. Cơ chế hỗ trợ người nghèo chưa hướng vào nâng cao nhận thức, năng lực và tính làm chủ. Một bộ phận không nhỏ người dân và thậm chí là chính quyền địa phương các cấp còn nặng tư tưởng ỷ lại, không muốn thoát nghèo, vì được hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo của Nhà nước. Sự phối hợp, chỉ đạo, điều hành các chương trình, dự án còn thiếu sự thống nhất, đồng bộ, một phần là do nhiều cơ quan, ban ngành chủ trì và được triển khai theo hệ thống ngành dọc gây cản trở cho việc phối hợp cũng như việc giám sát ngang, chồng chéo lẫn nhau giữa các bộ, ngành. Trong quá trình rà soát, đánh giá, thu nhập, xác định hộ nghèo mặc dù tuân thủ đúng quy

định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng do tâm lý ỷ nang, cục bộ cộng đồng kiểu "làng xóm", "họ mạc" dẫn đến kết quả chưa chính xác, thiếu khách quan, gây bất bình trong nhân dân. Chuẩn nghèo được ban hành dựa trên nhu cầu chi tiêu cơ bản của hộ gia đình, mà nhu cầu chi tiêu lại phụ thuộc bởi yếu tố giá cả, khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng sẽ làm giá trị thực tế của chuẩn nghèo giảm xuống (chỉ số giá tiêu dùng đến nay đã tăng trên 40% so với thời điểm ban hành chuẩn nghèo hiện hành) chưa phản ánh đúng thực chất kết quả giảm nghèo. Hàng năm, khi rà soát hộ nghèo thì một bộ phận người nghèo sẽ phải ra khỏi danh sách hộ nghèo và không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nhưng thực tế họ vẫn là hộ nghèo.

Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững là chương trình tổng thể mang ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc và có mối quan hệ chặt chẽ với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, chúng tôi xin khuyến nghị một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần thiết xây dựng một chương trình giảm nghèo toàn diện gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm giải quyết các nhu cầu của người nghèo. Đó là hệ thống tác động cộng hưởng, đồng hướng bao gồm Nhà nước - doanh nghiệp và cộng đồng mà cuối cùng là bản thân người nghèo, hộ nghèo phải tự phấn đấu vươn lên hòa nhập với cộng đồng cùng phát triển. Trong đó, trung

ương ban hành chính sách chung, trao quyền tự chủ và phân cấp triệt để cho các tỉnh để các tỉnh xác định và thực hiện những hoạt động giảm nghèo phù hợp với tình hình cũng như với người nghèo trên địa bàn. Khi đó, các địa phương có thể chủ động phối hợp lập kế hoạch triển khai lồng ghép với các nguồn lực khác để tăng hiệu quả của chương trình.

Thứ hai, đối với những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu... thì cần xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và vững chắc. Trong đó, xây dựng một cơ chế đặc thù nhằm phân quyền từ cấp huyện xuống cấp xã, nâng cao vai trò tự chủ của huyện và xã, mở rộng sự tham gia của người dân. Trung ương hỗ trợ trọn gói, xây dựng các nguyên tắc quản lý, hướng dẫn cơ chế và quản lý, theo dõi, giám sát và nâng cao năng lực cho địa phương. Huy động cộng đồng, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp tham gia theo hướng hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho địa phương hoặc hỗ trợ ngân sách vào kế hoạch tổng thể an sinh xã hội toàn dân.

Thứ ba, cần phân công trách nhiệm cho các bộ chức năng giúp đỡ chỉ đạo các tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao, huy động sức mạnh của bộ, ngành để giúp đỡ địa phương.

Cuối cùng, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan dân cử các cấp, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả người dân đối với chính sách, dự án giảm nghèo. □